

Số: 195 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 18 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Tình hình thực hiện 5 tháng**  
**và ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024**

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 5 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM**

**I. Thu ngân sách nhà nước:**

Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn: 4.653 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 5.355 tỷ đồng, bằng 44% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 42% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 08% so với cùng kỳ.

Trong đó:

**1. Thu nội địa:** 4.068 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 4.691 tỷ đồng, bằng 43% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 41% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 09% so với cùng kỳ.

Một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn đạt kết quả như sau:

a) Thu từ doanh nghiệp trung ương: 167 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 185 tỷ đồng, bằng 44% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, giảm 10% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện thấp so với dự toán: Nguồn thu này đạt thấp hơn so dự toán tỉnh giao do các doanh nghiệp trong khu vực, đặc biệt là ngành cao su tiếp tục gặp khó khăn khi giá bán liên tục giảm, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng âm sau nhiều năm liên tiếp; giá gỗ thanh lý cây cao su cũng giảm mạnh. Vì vậy trong những tháng đầu năm đa số các doanh nghiệp kê khai nộp thuế thấp hơn cùng kỳ, cụ thể như: Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú trong 5 tháng đầu năm nộp 24,5 tỷ đồng (cùng kỳ nộp 47 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh nộp 22 tỷ đồng (cùng kỳ nộp 26 tỷ đồng);...

b) Thu từ doanh nghiệp địa phương: 198 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 214 tỷ đồng, bằng 39% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, giảm 19% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện thấp so với dự toán: Cũng chịu ảnh hưởng từ những khó khăn của năm 2023, các doanh nghiệp trọng điểm có số thuế kê khai nộp những tháng đầu năm thấp hơn cùng kỳ, cụ thể: Thủy điện Thác Mơ trong 5 tháng đầu năm nộp thuế TNDN 56,5 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 nộp 73 tỷ đồng), thuế GTGT 10 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 là 20,7 tỷ đồng), thuế tài nguyên 15,8 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 là 16,3 tỷ đồng); thủy điện Srok Phu

Miêng trong 5 tháng đầu năm nộp thuế TNDN 10 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 nộp 23,4 tỷ đồng), thuế GTGT 2,6 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 là 3,6 tỷ đồng);...

c) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 327 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 345 tỷ đồng, bằng 65% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 40% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện cao so với dự toán: Trong tháng 01/2024, nguồn thu này đạt rất cao (bằng 161% so cùng kỳ) do Cục Thuế đôn đốc thu được số thuế hết thời gian gia hạn của người nộp thuế theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP; các doanh nghiệp tạm nộp thuế TNDN quý 4 và cả năm 2023 (80%); thu từ xử lý qua thanh tra, kiểm tra;... Tuy nhiên trong những tháng tiếp theo các doanh nghiệp có số nộp hầu như bằng hoặc thấp hơn cùng kỳ: Công ty CPV Food nộp thuế TNDN 1,6 tỷ đồng (cùng kỳ 2023 là 1,9 tỷ đồng); Công ty Làng Sen nộp thuế TNCN 3,4 tỷ đồng (năm 2023 nộp 3,7 tỷ);....

d) Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 1.163 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 1.342 tỷ đồng, bằng 65% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 40% so với cùng kỳ.

Nguồn thu này ước đạt cao hơn cùng kỳ, do những tháng đầu năm 2024 có phát sinh số nộp thuế GTGT quý IV/2023 và thuế TNDN năm 2023 chuyển sang. Trong tháng 01/2024, nguồn thu này tăng 87% so cùng kỳ, bên cạnh đó, trong quý I/2024 Cục Thuế thu được khoản nợ 96 tỷ đồng của Công ty TNHH MTV Tân Khai, thu nợ 20 tỷ đồng của Công ty Thành Phương (đây là khoản phát sinh đột biến mà trong năm 2025 sẽ không có). Nếu loại trừ các khoản đột biến trên, thì ước thu 6 tháng đầu năm đạt 60% so dự toán tỉnh giao.

đ) Thu lệ phí trước bạ: 112 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 135 tỷ đồng, bằng 40% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, giảm 25% so với cùng kỳ.

Nguồn thu này tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tình hình kinh doanh bất động sản hoạt động trầm lắng, bên cạnh đó hết chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ (LPTB) xe cũng ảnh hưởng đến sức mua trên địa bàn tỉnh, cụ thể: LPTB nhà đất thu 25 tỷ (cùng kỳ năm 2023 là 38 tỷ); LPTB xe thu 74 tỷ (cùng kỳ thu 110 tỷ).

e) Thu thuế thu nhập cá nhân: 458 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 520 tỷ đồng, bằng 60% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 04% so với cùng kỳ.

Mặc dù nguồn thu thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản thấp hơn cùng kỳ năm 2023, tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từng bước có nhiều khởi sắc nên số thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tăng cao hơn so cùng kỳ năm 2023, cụ thể trong 5 tháng đầu năm thu 240 tỷ đồng (tăng 16% so cùng kỳ năm 2023).

f) Thu thuế bảo vệ môi trường: 57 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 69 tỷ đồng, bằng 58% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 53% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 8% so với cùng kỳ.

g) Thu phí, lệ phí: 66 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 80 tỷ đồng, bằng 53% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 01% so với cùng kỳ.

h) Thu tiền sử dụng đất: 272 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 372 tỷ đồng, bằng 12% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 11% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, giảm 42% so với cùng kỳ.

Nguồn thu này đạt rất thấp do tiền sử dụng đất của các dự án theo kế hoạch từ đầu năm vẫn chưa thực hiện được. Mặt khác tiền sử dụng đất do người dân chuyển mục đích sử dụng đất cũng phát sinh rất thấp so với cùng kỳ năm 2023.

i) Thu tiền thuê đất: 126 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 190 tỷ đồng, bằng 16% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 15% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 43% so với cùng kỳ.

Mặc dù nguồn thu này cao hơn cùng kỳ, tuy nhiên vẫn ước đạt rất thấp so dự toán tỉnh giao, do tiền thuê đất một lần các dự án theo kế hoạch từ đầu năm vẫn chưa thực hiện được.

k) Thu khác ngân sách: 183 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 211 tỷ đồng, bằng 64% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 60% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 11% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân nguồn thu này đạt khá so dự toán tỉnh giao là do những tháng đầu năm phát sinh số thu từ vi phạm giao thông tăng, cụ thể 5 tháng đầu năm bằng 125% so cùng kỳ năm 2023 (80/64 tỷ đồng) và khoản thu nợ 15,3 tỷ đồng đột biến.

m) Thu xổ số kiến thiết: 861 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 936 tỷ đồng, bằng 81% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 75% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 24% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân 6 tháng ước thu đạt cao do doanh nghiệp nộp tiền lợi nhuận sau thuế số tiền 309 tỷ đồng, bên cạnh đó Bình Phước đang bắt đầu vào những tháng mưa mưa nên dự báo khả năng thu từ xổ số kiến thiết sẽ giảm so với đầu năm.

n) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 56 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 67 tỷ đồng, bằng 79% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 09% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân nguồn thu này ước đạt khá so dự toán tỉnh giao do một số doanh nghiệp nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do điều chỉnh mức thu theo Quyết định của UBND tỉnh.

**2. Thu từ Hải quan:** 582 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 660 tỷ đồng, bằng 51% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm, tăng 02% so với cùng kỳ.

**3. Các khoản ghi thu quản lý qua ngân sách:** 03 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 04 tỷ đồng, tăng 08% so với cùng kỳ.

## **II. Chi ngân sách địa phương:**

Tổng chi ngân sách địa phương: 5.449 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 7.893 tỷ đồng, bằng 56% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 47% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 11% so với cùng kỳ.

Trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển** (bao gồm chi quyết toán các công trình, dự án các năm trước): 2.585 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 3.405 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giải ngân các dự án từ kế hoạch vốn năm 2024 ước thực hiện là 1.655 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

- Quyết toán các dự án năm trước chuyển sang: ước thực hiện 6 tháng là 1.849 tỷ đồng.

**2. Chi thường xuyên:** 2.857 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 4.479 tỷ đồng, bằng 63% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 51% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 50% so với cùng kỳ.

Một số khoản chi lớn đạt kết quả như sau:

a) Chi sự nghiệp kinh tế: 219 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 800 tỷ đồng, đạt 41% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 217% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chi đạt cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi tăng thêm so với năm 2023 như: (i) Kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; (ii) Chi ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người chấp hành xong án phạt tù vay theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù; (iii) Kinh phí cấp bù thuỷ lợi phí; (v) Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; (vi) Kinh phí tăng hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương.

b) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.295 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 1.877 tỷ đồng, đạt 52% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 45% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện tăng cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi tăng thêm so với năm 2023 như: (i) Kinh phí tiền ăn trẻ em, học bổng học sinh dân tộc nội trú, kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP và Nghị định 116/2016/NĐ-CP; (ii) Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; (iii) Kinh phí tăng hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương.

c) Chi sự nghiệp y tế: 289 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 356 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 21% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện tăng cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi tăng thêm so với năm 2023 như: (1) Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Ban Bảo vệ chăm sóc cán bộ tỉnh; (2) Kinh phí cộng tác viên dân số; (3) Kinh phí chương trình y tế dân số và mua sắm các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; (4) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm cho các đối tượng; (5) Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; (6) Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

d) Chi sự nghiệp văn hóa, du lịch và thể thao: 53 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 68 tỷ đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 08% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện tăng cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện giải ngân nhiệm vụ chi tăng thêm so với năm 2023 như: (i) Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; (ii) Kinh phí tăng hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương.

e) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 31 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 57 tỷ đồng, đạt 50% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 94% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện tăng cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện thanh toán tiền nhuận bút tăng thêm so với năm 2023.

f) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 12 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 15 tỷ đồng, đạt 58% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 19% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chi đạt cao so với dự toán: Trong 6 tháng đầu năm, Chủ nhiệm các đề tài, chương trình khoa học và công nghệ thực hiện thanh, quyết toán các đề tài, dự án các năm trước chuyển sang.

g) Chi đảm bảo xã hội: 111 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 200 tỷ đồng, đạt 45% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 65% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện tăng cao so với cùng kỳ: 6 tháng đầu năm thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi tăng thêm so với năm 2023 như: (i) Kinh phí đối ứng thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia; (ii) Kinh phí thực hiện đối tượng BTXH; (iii) Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ

h) Chi quản lý hành chính: 643 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 793 tỷ đồng, đạt 61% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 15% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện cao so với dự toán: Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kinh phí tăng lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ; Kinh phí tăng hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương.

Đồng thời cấp huyện thực hiện bổ sung các nhiệm vụ chi quản lý hành chính từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

i) Chi an ninh - quốc phòng: 182 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 222 tỷ đồng, đạt 70% dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm và tăng 27% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thực hiện đạt cao với dự toán: Cấp huyện thực hiện bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2021-2025 ngoài định mức được phân bổ theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước. Đồng thời, cấp huyện thực hiện bổ sung các nhiệm vụ chi an ninh quốc phòng tăng thêm từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

**3. Các khoản chi quản lý qua ngân sách:** 03 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng là 4 tỷ đồng, tăng 08% so với cùng kỳ.

## B. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, các Luật Thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết HĐND tỉnh bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử, hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh xuyên biên giới, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất

thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tập trung khai thác nguồn thu và kiểm soát tín dụng hỗ trợ khách hàng tháo gỡ khó khăn phục hồi phát triển kinh tế: Tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt các chủ trương, định hướng, giải pháp về đổi mới mô hình kinh tế, tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư, nhất là các dự án tiềm năng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Có các giải pháp tạo quỹ đất sạch để mời gọi các nhà đầu tư, tập đoàn lớn, có uy tín tham gia vào những dự án chiến lược, góp phần gia tăng đóng góp ngân sách địa phương, xây dựng nguồn thu ngân sách ổn định.

Thường xuyên rà soát, đánh giá lại các nguồn thu nhằm xác định rõ những nguồn thu không ổn định, nguồn thu chưa khai thác hết, còn thất thu; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất: các địa phương, đơn vị triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện bán đấu giá các dự án sử dụng đất để đảm bảo nguồn thanh toán cho các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này. Trong điều hành các địa phương cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

3. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, từng khu vực thu, từng sắc thuế, tập trung vào các khu vực kinh tế, các sắc thuế cơ bản để có phương án chỉ đạo, điều hành thu kịp thời, dự báo thu hàng tháng sát đúng với thực tế phát sinh. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả. Quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, tăng cường công tác quản lý nợ, đôn đốc thu hồi nợ thuế và các khoản thuế được gia hạn đến hạn nộp vào ngân sách nhà nước. Thực hiện thu đạt 100% số thuế được giãn theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ và đến 31/12/2024 số nợ thuế không vượt quá 05% tổng thu ngân sách.

4. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp: Triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 104/KH-UBND của UBND tỉnh về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Rà soát, cắt giảm thủ tục liên quan đến đầu tư theo hướng đơn giản hóa, mẫu hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục. Có biện pháp quyết liệt để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX. Nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính

công. Tăng cường gấp mặt, đối thoại trực tiếp giữa Lãnh đạo tỉnh và doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư: Kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chủ động xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa các kênh và hình thức xúc tiến đầu tư. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan xúc tiến đầu tư của tỉnh. Xây dựng cơ chế giao ban về xúc tiến đầu tư để phát huy tốt vai trò của các ngành, các cấp trong xúc tiến đầu tư. Thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư tập trung vào các công ty có uy tín và thương hiệu ở các nước; ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án có giá trị gia tăng cao, công nghệ và mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng; lấy chất lượng hiệu quả công nghệ và bảo vệ tài nguyên môi trường làm tiêu chí đánh giá chủ yếu.

5. Tổ chức điều hành chi ngân sách nhà nước năm 2024 theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện nghiêm Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

6. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện nghiêm túc các kết luận của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và có biện pháp giao nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan trong điều hành thu, chi ngân sách. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện việc quản lý thu, chi ngân sách, đảm bảo hiệu quả, không để xảy ra sai phạm.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TTTU;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, (Quέ-14.6).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Trần Tuệ Hiền**



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 5 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 195 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	Dự toán Thủ tướng giao năm 2024	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2024	Số thực hiện 6 tháng năm 2023	Số thực hiện 5 tháng năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	SO SÁNH (%)		
	1	2	3	4	5	6	6/2	6/3
Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.194.000	12.739.600	4.947.925	4.652.654	5.355.000	44	42	108
A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN	12.194.000	12.739.600	4.944.014	4.649.415	5.350.790	44	42	108
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	10.912.000	11.457.600	4.297.346	4.067.509	4.691.000	43	41	109
Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất; thu xổ số kiến thiết)	6.662.000	6.846.600	2.900.985	2.934.782	3.383.000	51	49	117
1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	420.000	420.000	205.242	167.130	185.000	44	44	90
2. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	550.000	550.000	262.622	197.643	214.000	39	39	81
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	531.000	531.000	246.638	326.622	345.000	65	65	140
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	2.050.000	2.050.000	957.905	1.163.128	1.342.000	65	65	140
5. Lệ phí trước bạ	340.000	340.000	180.944	111.757	135.000	40	40	75



Nội dung	Dự toán Thủ tướng giao năm 2024	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2024	Số thực hiện 6 tháng năm 2023	Số thực hiện 5 tháng năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	SO SÁNH (%)		
	1	2	3	4	5	6	6/2	6/3
6. Thuế SD đất phi nông nghiệp	14.000	15.600	9.401	6.802	7.800	56	50	83
7. Thuế thu nhập cá nhân	860.000	860.000	501.222	457.679	520.000	60	60	104
8. Thuế bảo vệ môi trường	120.000	130.000	63.838	56.914	69.000	58	53	108
9. Thu phí và lệ phí	150.000	150.000	79.470	65.576	80.000	53	53	101
10. Tiền sử dụng đất	3.100.000	3.361.000	642.928	272.045	372.000	12	11	58
11. Thu tiền cho thuê đất	1.200.000	1.300.000	132.418	125.809	190.000	16	15	143
12. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	135.000	61.208	55.823	67.000	79	50	109
13. Thu xổ số kiến thiết	1.150.000	1.250.000	753.433	860.682	936.000	81	75	124
14. Thu khác	330.000	353.000	189.708	182.510	210.700	64	60	111
15. Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	12.000	12.000	10.369	17.389	17.500	146	146	169
<b>II. Thu từ Hải quan</b>	<b>1.282.000</b>	<b>1.282.000</b>	<b>646.668</b>	<b>581.906</b>	<b>659.790</b>	<b>51</b>	<b>51</b>	<b>102</b>
<b>B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	-	-	3.911	3.239	4.210			108

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSĐP 5 THÁNG VÀ UỐC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 195 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	Dự toán Thủ tướng giao năm 2024	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2024	Số thực hiện 6 tháng năm 2023	Số thực hiện 5 tháng năm 2024	Uớc thực hiện 6 tháng năm 2024	SO SÁNH (%)		
						1	2	3
Tổng chi NSĐP	14.064.341	16.719.000	7.133.947	5.449.066	7.893.000	56	47	111
A. Chi cân đối NSĐP	14.064.341	16.719.000	7.130.036	5.445.827	7.888.790	56	47	111
I. Chi đầu tư phát triển	4.761.110	5.630.202	4.149.155	2.585.134	3.405.000	72	60	82
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	4.761.110	5.630.202	4.149.155	2.585.134	3.405.000	72	60	82
Trong đó:								
- Kế hoạch vốn giao	4.761.110	5.630.202	6.450.021		1.556.000	33	28	24
- Số quyết toán các dự án năm trước chuyển sang					1.849.000			
II. Chi thường xuyên	7.161.904	8.769.787	2.979.691	2.857.491	4.479.000	63	51	150
1. Chi sự nghiệp kinh tế		1.951.076	252.347	218.642	800.000		41	317
2. Chi sự nghiệp môi trường		90.000	11.761	2.739	45.000		50	383
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.595.478	3.595.478	1.290.932	1.294.731	1.877.000	52	52	145

Nội dung	Dự toán Thủ tướng giao năm 2024	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2024	Số thực hiện 6 tháng năm 2023	Số thực hiện 5 tháng năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng năm 2024	SO SÁNH (%)		
						1	2	3
						4	5	6
4. Chi sự nghiệp y tế			712.016	295.062	288.700	356.000		50
5. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.017	26.017	18.621	11.917	15.000	58	58	81
6. Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		135.768	63.219	52.510	68.000		50	108
7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		113.387	29.371	30.553	57.000		50	194
8. Chi đảm bảo xã hội		442.703	121.142	111.286	200.000		45	165
9. Chi quản lý hành chính		1.309.822	688.876	643.190	793.000		61	115
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương		315.794	174.581	181.798	222.000		70	127
11. Chi khác ngân sách		77.726	33.779	21.425	46.000		59	136
<b>III. Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>				0	-	-
<b>IV. Chi thực hiện cải cách tiền lương</b>		<b>1.978.311</b>				0	-	-
<b>V. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW</b>	<b>1.851.691</b>					0	-	-
<b>VI. Chi trả nợ, lãi vay</b>	<b>8.900</b>		<b>1.190</b>	<b>3.202</b>	<b>4.790</b>	<b>54</b>		<b>403</b>
<b>VII. Dự phòng</b>	<b>279.736</b>	<b>339.700</b>				0	-	-
<b>B. Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>	<b>8 -</b>	<b>3.911</b>	<b>3.239</b>	<b>4.210</b>				<b>108</b>